

Số: 261 /BC-STP
SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KON TUM
Số: 115/ST
ĐẾN
Ngày:
Chuyên: **Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**
Lưu hồ sơ số: 23/TCN 1V

Kon Tum, ngày 22 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 2773/STC-QLGCS, ngày 09/10/2018 của Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum*" (viết tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 7; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 27 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết đã đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật và các nội dung khác có trong dự thảo. Tuy nhiên, để đảm bảo tính ngắn gọn, không quy định lại những nội dung đã được Nghị định số 29/2018/NĐ-CP quy định, Điều 1 dự thảo Nghị quyết có thể biên tập lại theo hướng sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

1. *Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản được quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 6 Điều 7 Nghị định số*

29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

- a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;
- b) Tài sản vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu;
- c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.

3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan”.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết trong hệ thống pháp luật.

3.1. Để ngắn gọn nhưng vẫn thể hiện rõ hiệu lực về không gian của văn bản, đề nghị biên tập lại tên gọi (trích yếu) của dự thảo Nghị quyết như sau: “Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

3.2. Tại phần căn cứ pháp lý để ban hành văn bản đề nghị bổ sung căn cứ sau: “Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân”.

3.3. Về nguyên tắc được quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với toàn bộ các tài sản được quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ, khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP (trừ trường hợp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không phải là di tích lịch sử, văn hóa) và là người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây viết tắt là thẩm quyền quyết định việc xác lập, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý). Với quan điểm trên, Sở Tư pháp nhận thấy không cần thiết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quyết định việc xác lập, phê duyệt phương án xử lý (thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã được Chính phủ quy định). Sở Tài chính chỉ nên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc phân cấp thẩm quyền quyết định việc xác lập, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với những chức danh khác. Khi thẩm quyền của các chức danh khác đã được xác

định cụ thể, những tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, phê duyệt phương án xử lý tài sản không được phân cấp cho các chức danh này đương nhiên thuộc thẩm quyền quyết định việc xác lập, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Với quan điểm đã được trình bày tại điểm 3.2 nêu trên, đề nghị Sở Tài chính xem xét loại bỏ các Điều, khoản sau đây trong dự thảo: Điều 3; điểm a Điều 4 (Lưu ý: Điều 4 của dự thảo không có các khoản, chỉ có các điểm); Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 8; điểm a, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 10. Khi loại bỏ các Điều, khoản nêu trên, Sở Tài chính xem xét, biên tập lại tên của Điều 6 cho phù hợp, chính xác. Có thể biên tập như sau: “**Điều 6. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể**”.

3.5. Trong phương án xử lý tài sản sẽ đưa ra hình thức xử lý cụ thể đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (*giao cơ quan quản lý chuyên ngành; giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý sử dụng; giao cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; bán; tiêu hủy...*). Vì vậy, việc quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu; phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo thống nhất với thẩm quyền quản lý tài sản công được quy định tại Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh- Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 11)

Sở Tư pháp nhận thấy, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, phê duyệt phương án xử lý tài sản vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của dự thảo chưa thống nhất với Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (*ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND*). Ví dụ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND thì: “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc; ô tô và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác (trừ các phương tiện được quy định tại khoản 4 Điều này); các tài sản tài khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý và các huyện, thành phố quản lý.*”. Tuy nhiên, Điều 8 dự thảo quy định: “*1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:*

- Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu.

- Điều chuyển tài sản giữa các sở, ngành thuộc tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản không phải là nhà, đất, xe ô tô và tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan, địa phương quyết định tịch thu”.

Như vậy, theo quy định tại Điều 8 của dự thảo thì Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là “*phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác*”. Giá sử, trong trường hợp phương tiện tham gia giao thông đường bộ không phải là các loại phương tiện được quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và phương án xử lý tài sản có hình thức xử lý là bán thì theo dự thảo Nghị quyết, Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt hình thức xử lý bán. Điều này mâu thuẫn với quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND.

Với lý do đã nêu ở trên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 dự thảo (*gửi kèm theo báo cáo này dự thảo Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị quyết do Sở Tư pháp biên tập để Sở Tài chính tham khảo. Lưu ý: Dự thảo Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị quyết do Sở Tư pháp biên tập chỉ có giá trị tham khảo*).

3.6. Sở Tư pháp nhận thấy việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là “*hàng hóa tồn đọng*” chưa được dự kiến. Vì vậy, đề nghị bổ sung. Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, có thể quy định việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là “*hàng hóa tồn đọng*” tại Điều 10 dự thảo.

3.7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ Mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để bổ sung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết cơ bản trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, thứ tự các khoản trong Điều đề nghị sử dụng chữ số Ả rập (1,2,3...); thứ tự các điểm trong khoản đề nghị các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt (a, b,...).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan; phối hợp đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

7. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại các nội dung được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo Điều 122 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

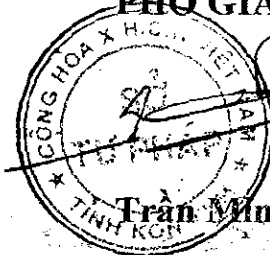
Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý tới Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Khoản 5, Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

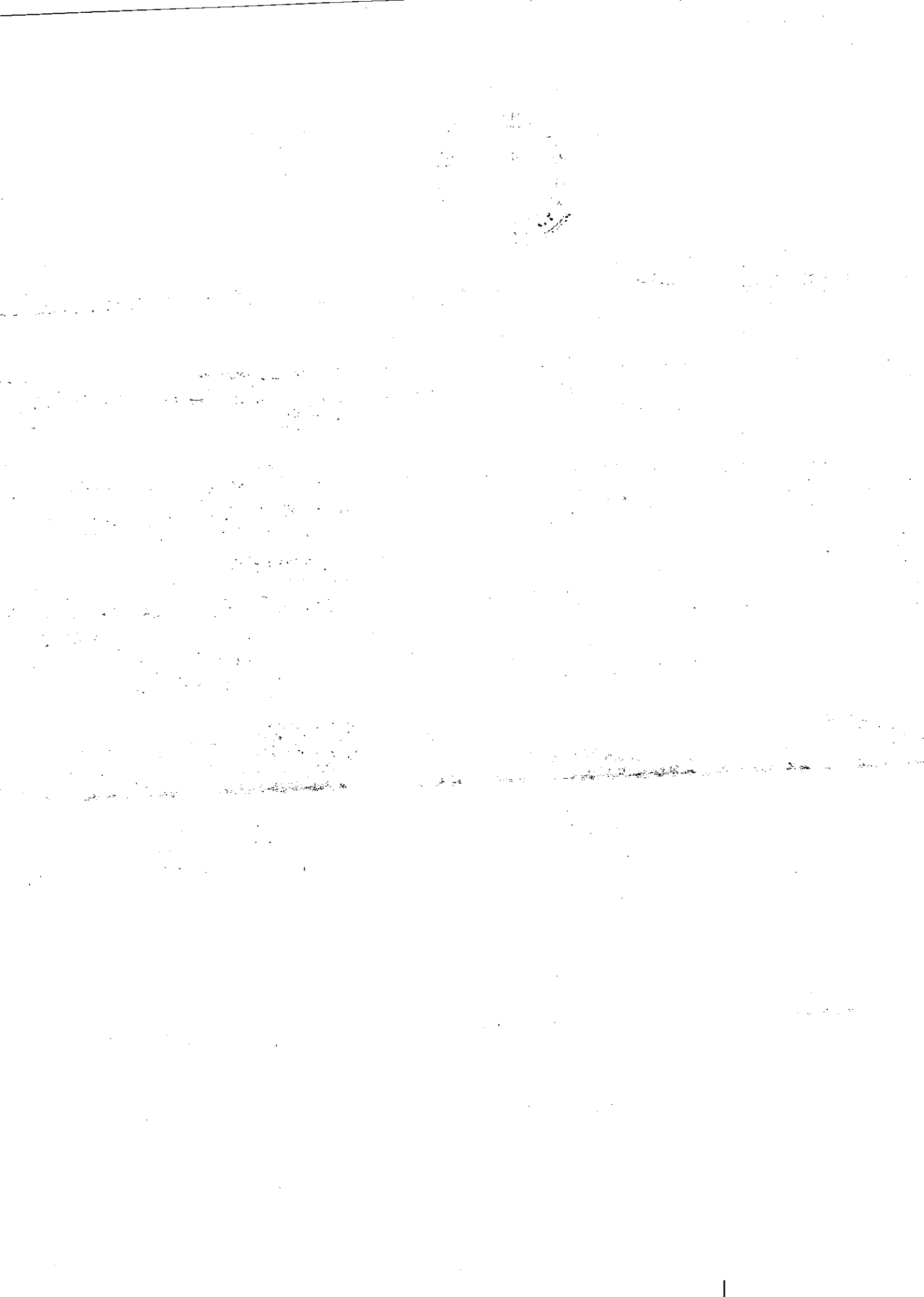
Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, XD&KTrVB/STP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Thắng



DỰ THẢO ĐIỀU 8, ĐIỀU 9, ĐIỀU 10

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số 21/BC-STP ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính và chỉ có giá trị tham khảo)



Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu mà tổng giá trị của tang vật của một vụ việc bị tịch thu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu mà tổng giá trị của tang vật của một vụ việc bị tịch thu dưới 100 triệu đồng do người có thẩm quyền của cơ quan mình quyết định tịch thu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu mà tổng giá trị của tang vật, phương tiện của một vụ việc bị tịch thu dưới 500 triệu đồng, trừ trường hợp phương tiện vi phạm hành chính là ô tô và phương tiện tham gia giao thông không được quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum).

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh chuyển giao trong trường hợp giá trị vật chứng của một vụ án, giá trị tài sản của người bị kết án bị tịch thu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng, trừ trường hợp vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là bất động sản, ô tô và phương tiện tham gia giao thông được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện chuyển giao trong trường hợp giá trị vật chứng của một vụ án, giá trị tài sản của người bị kết án bị tịch thu dưới 500 triệu đồng, trừ trường hợp vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là bất động sản, ô tô và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế đối với các tài sản, di sản không phải là bất động sản mà tổng giá trị của tài sản dưới 500 triệu đồng, trừ trường hợp tài sản là ô tô và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum, phương tiện tham gia giao thông đường sông.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế đối với:

a) Tài sản là phương tiện tham gia giao thông được quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum;

b) Bất động sản vô chủ, di sản là bất động sản không có người kế có giá dưới 1 tỷ đồng;

c) Tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do cơ quan thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện tìm được có giá dưới 1 tỷ đồng, trừ trường hợp tài sản là ô tô và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum, phương tiện tham gia giao thông đường sông.